

Số: /CCKL-SDR
V/v tham mưu nội dung trả lời
phỏng vấn bài viết về lĩnh vực
lâm nghiệp trong ấn phẩm
“Quảng Ngãi - Tiềm năng
và điểm đến” và chào mừng
35 năm tái lập tỉnh

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Công văn số 1295/SNNPTNT-VP ngày 02/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trả lời phỏng vấn bài viết về ngành Nông nghiệp và PTNT trong ấn phẩm “Quảng Ngãi - Tiềm năng và điểm đến” và chào mừng 35 năm tái lập tỉnh,

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Chi cục Kiểm lâm tham mưu nội dung về lĩnh vực lâm nghiệp như sau:

1. Thành quả của lĩnh vực lâm nghiệp sau 35 năm tái lập tỉnh

1.1. Về công tác tổ chức quản lý

Từ ngày tái lập tỉnh đến nay các tổ chức, thành phần kinh tế tham gia hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp:

- Từ năm 1989-2016: Có 03 phòng ban, đơn vị, cụ thể:

+ Năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 14/07/1989 về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng II Sở Nông lâm nghiệp chuyển thành Sở Nông lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có Phòng Kỹ thuật- Nghiệp vụ (thực hiện chức năng tham mưu có lĩnh vực lâm nghiệp).

+ Từ năm 1996, Chi cục Phát triển lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi được UBND tỉnh Quảng Ngãi thành lập theo Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 31/12/1996 với cơ cấu tổ chức gồm 02 phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế - Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật). Đến năm 2006, Chi cục Phát triển lâm nghiệp đổi tên thành Chi cục Lâm nghiệp theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 27/01/2006 UBND tỉnh Quảng Ngãi, bộ máy Chi cục Lâm nghiệp tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 05/6/2009, với cơ cấu tổ chức gồm 02 phòng chuyên môn (Phòng Hành chính - Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật).

+ Từ tháng 7/1989, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi được thành lập và trực thuộc Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi¹. Đến năm 1994, UBND tỉnh

¹ Cơ cấu tổ chức gồm 03 phòng chuyên môn (Quản lý bảo vệ rừng; Thanh tra, pháp chế, Hành chính, tổng hợp) và 07 Hạt Kiểm lâm trực thuộc (Hạt Kiểm lâm: Ba Tơ, Đức Phổ, Nghĩa Đức, Nghĩa Minh, Sơn Bình, Sơn Hà, Trà Bồng);

Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2297/QĐ-UB, ngày 25/11/1994 về việc chuyển giao Chi cục Kiểm lâm từ Sở Nông Lâm nghiệp về UBND tỉnh Quảng Ngãi quản lý toàn diện². Năm 2007, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND về việc chuyển giao nguyên trạng Chi cục Kiểm lâm từ UBND tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi trực tiếp quản lý³.

- Từ năm 2016 đến nay: chỉ còn 01 đơn vị là Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực lâm nghiệp và được thành lập trên cơ sở hợp nhất Chi cục lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm thành Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi tại Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND tỉnh⁴. Năm 2021, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi được sắp xếp lại tổ chức bộ máy gồm 04 Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổ chức, hành chính và XDLL, Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN, Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Phòng Thanh tra, pháp chế và tuyên truyền, 11 Hạt Kiểm lâm và 01 Đội KLCĐ và PCCCR.

b) Các dự án, chương trình:

Các chương trình, dự án lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được thực hiện từ khi tái lập tỉnh như sau: Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc (chương trình 327); Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng⁵; Dự án phát triển ngành lâm nghiệp⁶; Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn vay vốn JIBIC⁷; Dự án Khôi phục và quản lý rừng bền vững⁸; Dự án trồng rừng trên đất cát ven biển Nam Trung bộ - giai đoạn II⁹; Dự án phục hồi và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi¹⁰; Dự án Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi

² Sau đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 09/3/1995 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Chi cục Kiểm lâm, gồm 03 phòng chuyên môn (*Quản lý bảo vệ rừng; Thanh tra, pháp chế; Hành chính, tổng hợp*) 12 Hạt Kiểm lâm trực thuộc (*Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Sơn Tây, Bình Sơn, Trà Bồng, Tây Trà*) và 01 Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR.

³ UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 sau đó thay thế bằng Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND ngày 18/8/2009.

⁴ Theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 14/3/2016, tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi gồm 05 Phòng chuyên môn nghiệp vụ: (i) *Phòng Tổ chức, tuyên truyền và XDLL*; (ii) *Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN*; (iii) *Phòng Sử dụng và Phát triển rừng*; (iv) *Phòng Thanh tra, pháp chế*; (v) *Phòng Hành chính, tổng hợp*; và 12 *Hạt Kiểm lâm huyện và 01 Đội KLCĐ&PCCCR*.

⁵ Dự án 661: Giai đoạn từ 1999-2010, dự án đã thực hiện: trồng rừng phòng hộ 23.112 ha; trồng rừng sản xuất trên 55.500 ha, khoán quản lý bảo vệ rừng 523.241 lượt ha; khoanh nuôi tái sinh 66.332 ha. Góp phần tạo công ăn việc làm cho 10.000 lao động.

⁶ Dự án WB3: Giai đoạn từ 2005-2014, đến 2013 đã trồng 12.750 ha đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân bằng nguồn thu nhập từ trồng rừng và quyền sử dụng đất lâu dài thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tổng diện tích đã cấp được là 7.300 ha.

⁷ Dự án JIBIC: Giai đoạn từ 2002-2008, dự án đã trồng 4.846,82 ha rừng phòng hộ đầu nguồn các con sông, hồ đập; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 322 ha và khoán quản lý bảo vệ rừng 5.567,6 ha.

⁸ Dự án KfW6: Giai đoạn từ 2005-2014, dự án đã trồng được 3.629,22 ha rừng, đã cấp 2.425 sổ tại các huyện Đức Phổ, Nghĩa Hành và Tư Nghĩa. Đã thiết lập 02 mô hình quản lý rừng cộng đồng tại 02 thôn Khánh Giang và Trường Lệ thuộc xã Hành Tín Đông huyện Nghĩa Hành với tổng diện tích 1.012,43 ha.

⁹ Dự án PACSA2: Giai đoạn 2009-2014, dự án đã trồng 333,67 ha rừng tại Đức Phổ. Dự án đã đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển.

¹⁰ Dự án JICA2: Giai đoạn từ 2012-2021; Mục tiêu tổng thể của dự án: Quản lý và bảo vệ bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn; Phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh học; Góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực miền núi.

khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam; Chương trình MTPTLN bền vững giai đoạn 2011-2015; Chương trình bảo vệ và Phát triển rừng; ...

c) Các tổ chức lâm nghiệp trồng rừng, khai thác, chế biến thuộc Nhà nước quản lý:

- Giai đoạn 1976-1990: Quảng Ngãi có 7 đơn vị quốc doanh đã được thành lập, đó là: Lâm trường Đức Phổ, Lâm trường Mộ Đức, Lâm trường Ba Tơ, Lâm trường Sơn Hà, Lâm trường Trà Bồng, Lâm trường Bình Sơn và Xí nghiệp gỗ Sông Trà;

- Giai đoạn 1991-2003: Quảng Ngãi chỉ còn lại 6 đơn vị là: Lâm trường Ba Tơ, Lâm trường Sơn Hà, Lâm trường Trà Bồng, Lâm trường Bình Sơn và Xí nghiệp gỗ Sông Trà. Sau đó, Xí nghiệp gỗ Sông Trà lại chia thành hai lâm trường: Ba Tô và Trà Tân. Đến năm 2003, trên địa bàn tỉnh chỉ còn 4 lâm trường, đó là Lâm trường Ba Tô, Lâm trường Ba Tơ, Lâm trường Trà Tân và Lâm trường Trà Bồng

- Từ năm 2007- 2011: Quảng Ngãi chỉ còn lại 3 đơn vị: Công ty Lâm nghiệp Sông Re; Công ty Lâm nghiệp Trà Tân; Công ty Lâm nghiệp Ba Tơ.

- Từ năm 2011 đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã chuyển toàn bộ các Công ty lâm nghiệp thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và chỉ có 02 Công ty đang hoạt động là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Ba Tô, Ba Tơ.

d) Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh (chủ rừng); Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: Theo các đơn vị này báo cáo.

1.2. Về công tác bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên

a) Hiện trạng rừng

Theo kết quả điều tra diễn biến tài nguyên rừng của Đoàn điều tra qui hoạch thiết kế lâm nghiệp Quảng Ngãi và theo kết quả công bố hiện trạng rừng hàng năm, cho thấy tài nguyên rừng ở Quảng Ngãi từng bước được phục hồi và có phần tăng trưởng khá. Quá trình này cho thấy rừng tự nhiên đã được chú trọng bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, đang phục hồi, cũng như diện tích rừng trồng được chú trọng đầu tư các chương trình, dự án nhằm phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Đến 31/12/2023, diện tích có rừng đạt 332.888 ha, gấp 2,77 lần so với năm 1989; tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 19% lên 52,33%¹¹.

b) Về công tác quản lý, bảo vệ rừng

Dự án JICA2 tỉnh Quảng Ngãi đã đạt mục tiêu cụ thể: (i) Phục hồi và quản lý 8.929,5 ha rừng phòng hộ thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (thuộc 12 xã, 04 huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Trà Bồng); (ii) Tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương 12 xã trên địa bàn 04 huyện và 05 Ban quản lý rừng phòng hộ (khu Đông Ba Tơ, khu Tây Ba Tơ, đầu nguồn Thạch Nham và Tây Trà) nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; (iii) Cải thiện sinh kế cho cộng đồng tại 12 xã, những cộng đồng tham gia quản lý rừng phòng hộ và cả những hộ lân cận. Góp phần giảm áp lực vào rừng thông qua các hoạt động phát triển sinh kế thay thế cho các hoạt động sinh kế dựa vào rừng phòng hộ; (iv) Các công trình cơ sở hạ tầng lâm sinh 47 km đường lâm nghiệp tạo điều kiện thuận lợi trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; Đường ranh cản lửa 38,6 km; chòi canh lửa 9 chòi; Trạm bảo vệ 7 trạm; Bảng thông tin 4 bảng; Vườn ươm 2 cái.

¹¹ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh.

Hàng năm, được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương đã ban hành các văn bản dưới nhiều hình thức như: Chỉ thị, công văn chỉ đạo,... nhằm tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; qua mỗi thời kỳ, đơn vị đầu mối thực hiện chế độ thông tin, báo cáo cấp tỉnh, tổ chức thực hiện tốt việc phân công trực ban để thông tin, báo cáo kịp thời về tình hình cháy rừng trên địa bàn quản lý đều giao cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Chi cục Kiểm lâm) thực hiện. Mặc dù các cấp, các ngành trong tỉnh đã có nhiều cố gắng nỗ lực và chủ động triển khai thực hiện các biện pháp PCCCR, nhưng do điều kiện thời tiết khắt nghiệt, nắng nóng phức tạp và diễn ra trên diện rộng, kéo dài, cùng với đó là sự chủ quan, bất cẩn của một bộ phận người dân trong việc sử dụng lửa để sản xuất, sinh hoạt đã gây ra cháy rừng, đặc biệt nắng hạn làm cho cây rừng bị chết khô với diện tích lớn diễn ra ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh.

c) Bảo tồn thiên nhiên

- Về thực vật: Một số loài cây lâm nghiệp quý hiếm hiện nay vẫn còn ở một số khu rừng nguyên sinh như: Gõ bông lau, Hoàng đàn có nhiều ở Trà Thợ, Trà Xanh (huyện Trà Bồng); Thông tre, Kim giao, Hoàng đàn giả có nhiều ở Ba Nam (huyện Ba Tơ); Chò chỉ có nhiều ở Sơn Lập, Sơn Dung (huyện Sơn Tây); Sao xanh ở Ba Tiêu (huyện Ba Tơ); Xoay ở Ba Lế, Ba Nam (huyện Ba Tơ) và Trà Thủy (huyện Trà Bồng); Uơi có ở Trà Bui (huyện Trà Bồng); Sơn huyết có nhiều ở các huyện miền núi. Các loại cây đặc sản rừng ở Quảng Ngãi nổi bật nhất là cây Quế. Quế được trồng nhiều ở huyện Trà Bồng và Tây Trà (các huyện miền núi khác có trồng nhưng không đáng kể). Quế Trà Bồng và Tây Trà nổi tiếng trong và ngoài nước về chất lượng, được biết đến với tên gọi Quế Quảng. Giống quế có nguồn gốc tại Trà Bồng có hàm lượng tinh dầu cao hơn hẳn các giống Quế ở miền Bắc đem về trồng tại Trà Bồng. Trồng quế là một nghề truyền thống và trở thành tập quán lâu đời của đồng bào dân tộc thiểu số ở Trà Bồng. Người dân thu nhặt hạt quế hoặc bứng lấy cây con tự mọc đem về trồng; hộ trồng ít cũng có vài trăm cây, hộ trồng nhiều lên đến cả ngàn cây.

Ngoài cây quế, rừng ở miền núi Quảng Ngãi còn có các loại cây đặc sản khác như: Mây, Xá xị, Sa nhân, Trầm hương (các loại cây này có nhiều ở các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây). Các loại cây thuốc như: Ngủ gĩa bì, Ba Kích (có nhiều ở Trà Thủy - huyện Trà Bồng, Ba Nam-huyện Ba Tơ); Ma gan là loại cây dược liệu quý của đồng bào dân tộc thiểu số, cây này có hàng trăm loại, thân lá giống như cây nghệ, mọc hoang dã. Loài cây này có loại là thuốc quý nhưng có loại cực độc, chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số mới biết phân biệt và sử dụng chúng theo kinh nghiệm dân gian truyền miệng.

- Về động vật: Về thú rừng, có Lợn rừng, Nai, Hoẵng, Nhím, đặc biệt là các loài thú có giá trị dược liệu gồm: Hổ, Gấu, Tê tê, Khỉ, Cầy hương, Hổ, Hoẵng, Heo rừng, Gấu, Tê tê, các loài rùa núi,...; Về chim, có các loài như Gà rừng, Gà gô, Cu gáy, Vẹt đầu hồng, Vẹt ngực đỏ,... Để bảo vệ các loài động vật hoang dã, lực lượng Kiểm lâm Quảng Ngãi luôn tổ chức những đợt tuyên truyền, tuần tra, vây bắt những nhóm săn bắt và buôn bán trái phép các loại động vật

hoang dã. Sự đa dạng về sinh học, trong đó có động, thực vật rừng ở Quảng Ngãi là nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng không những của Quảng Ngãi mà còn của cả nước cần được bảo vệ nhằm bảo tồn được nguồn gen quý hiếm, góp phần cân bằng môi trường sinh thái.

1.3. Về công tác phát triển rừng

Từ ngày tái lập tỉnh, tổng diện tích đất có rừng đạt khoảng 120 nghìn ha, còn lại là đất trống, đồi trọc. Tuy diện tích đất trống còn nhiều, nhưng không dễ đưa vào sản xuất lâm nghiệp vì phần lớn tập trung ở miền núi và ven biển, địa hình phức tạp, độ dốc lớn, rửa trôi mạnh, thành phần dinh dưỡng trong đất kém, khó thu hút được các thành phần kinh tế đầu tư vào trồng rừng vì khó quản lý, kém hấp dẫn về hiệu quả kinh tế.

Sau ngày tái lập tỉnh mặc dù, vào thời điểm này, trồng rừng gặp rất nhiều khó khăn vì người dân chưa xem trọng việc trồng rừng; tuy nhiên, để khai thác đất rừng, những chính sách của Đảng, Nhà nước và các chương trình, dự án trồng và bảo vệ rừng đã được triển khai. Năm bắt cơ hội này, ngành lâm nghiệp Quảng Ngãi đã nhanh chóng thực hiện các chương trình lớn về phát triển rừng, để làm gương cho quần chúng nhân dân noi theo, mà ngành lâm nghiệp Quảng Ngãi phải huy động cả đội ngũ cán bộ, đảng viên trong ngành tham gia trồng rừng.

Vì vậy, nhờ những biện pháp tích cực về phát triển rừng, việc phát triển kinh tế lâm nghiệp đúng hướng đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân cũng như góp phần bảo vệ, phát triển diện tích rừng trồng hiệu quả, nhất là ở các huyện miền núi, cụ thể như: Dự án PAM 4304¹²; Chương trình 327¹³; Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng¹⁴; Chương trình bảo vệ và Phát triển rừng, Dự án hộ JBIC, Dự án WB3, dự án KfW6; Dự án PACSA2; Dự án GCF¹⁵, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững,... đã góp phần phục hồi diện tích đất rừng, diện tích rừng trồng mới hàng năm tăng nhanh.

1.4. Công tác sử dụng rừng

- Khai thác gỗ: Đến 31/12/2023¹⁶, sản lượng gỗ rừng trồng khai thác đạt khoảng 2.257.074 m³, gấp 376 lần¹⁷ so với thời điểm tái lập tỉnh; trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có hai nguồn chính là khai thác gỗ từ rừng tự nhiên và khai thác gỗ từ rừng trồng, cụ thể:

+ Khai thác gỗ từ rừng tự nhiên: có 4 lâm trường quốc doanh có chức năng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên, đó là: Lâm trường Ba Tô, Lâm trường Ba Tư, Lâm trường Trà Bồng và Lâm trường Trà Tân. Hàng năm, các lâm trường

¹² Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg ngày 15/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ

¹³ Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

¹⁴ Quyết định 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ;

¹⁵ Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi" do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tài trợ

¹⁶ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh;

¹⁷ Trong khoảng thời gian này (trước năm 2000) các lâm trường còn được khai thác rừng tự nhiên với sản lượng từ 5.000-6.000m³ mỗi năm đã làm cho diện tích rừng tự nhiên của tỉnh ngày càng cạn kiệt. Từ năm 2000 trở đi, sản lượng gỗ khai thác chủ yếu từ rừng trồng, bình quân mỗi năm khai thác từ 70.000-75.000 m³.

này khai thác từ 5.000-6.000m³ gỗ. Việc khai thác gỗ diễn ra trong nhiều năm liền dẫn đến diện tích rừng tự nhiên bị thu hẹp. Để khôi phục lại tài nguyên rừng, năm 2000, thực hiện lệnh “đóng cửa rừng tự nhiên” của Bộ Nông nghiệp và PTNT, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên.

+ Khai thác gỗ từ rừng trồng: được khai thác từ nhiều nguồn: các lâm trường, hợp tác xã nông nghiệp, các tổ chức, cá nhân. Cơ cấu gỗ rừng trồng qua các giai đoạn cũng có sự khác nhau: Trước năm 1995, loại gỗ khai thác chủ yếu là Bạch đàn, Phi lao. Sau năm 1995, do nhu cầu chế biến gỗ nguyên liệu giấy tăng lên nên các loại gỗ khai thác phần lớn là Keo, Bạch đàn, gỗ Phi lao chiếm tỷ trọng không đáng kể.

+ Về sản lượng gỗ khai thác, trong giai đoạn 1976-1990, bình quân mỗi năm khai thác từ 20.000-25.000 m³, trong đó gỗ từ rừng tự nhiên có khoảng 4.500-5.000 m³, còn lại là gỗ từ rừng trồng. Từ năm 2000 trở đi, sản lượng gỗ khai thác chủ yếu từ rừng trồng, sản lượng khai thác bình quân tăng dần qua các năm¹⁸, cụ thể đến năm 2023¹⁹ sản lượng khai thác đạt khoảng 2.257.074 m³,

- Khai thác lâm sản khác: Ngoài khai thác gỗ, bình quân mỗi năm khai thác từ 300.000-450.000 ster củi, trên 2 triệu cây tre, nứa, 400-500 tấn đốt, 400-500 tấn quế vỏ. Các sản phẩm thu nhập từ rừng mỗi năm cũng có vài tấn mật ong và vài trăm tấn Sa nhân²⁰.

2. Kết quả đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp

2.1. Gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ thuộc nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia

Sản lượng gỗ khai thác năm 2023 ước đạt 2.397.979 m³. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 10,96%/năm.

2.2. Một số mô hình liên kết trong lĩnh vực lâm nghiệp

Các doanh nghiệp thực hiện liên kết phát triển rừng trồng trên địa bàn quản lý. Tổng diện tích rừng của các chủ rừng nhỏ (hộ gia đình) đã có phương án quản lý rừng bền vững và đã được cấp chứng chỉ rừng (FSC) là 7.526,94 ha/1.325 hộ trên địa bàn ở 8 xã thuộc huyện Trà Bồng do Công ty cổ phần lâm sản Xuân Lộc làm trưởng nhóm. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp tiến hành phát triển chuỗi liên kết, hợp tác với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các huyện như: Bình Sơn (diện tích khoảng 1.841 ha/07 xã) của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tân Kiều; Ba Tơ (diện tích 1.805 ha/18 xã) của Công ty Cổ phần Năng Lượng Dung Quất,...

2.3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp

Kết quả thực hiện năm 2023, tổng diện tích rừng có rừng: 264.907,95 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 106.712,07 ha, rừng trồng 158.195,88 ha. Độ che phủ rừng năm 2023 là 52,33% (bao gồm cây trồng phân tán).

¹⁸ Từ năm 2000, bình quân mỗi năm khai thác từ 70.000-75.000 m³;

¹⁹ Theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh;

²⁰ Niên giám thống kê-Cục Thống kê Quảng Ngãi

2.4. Bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học

Đến nay đã đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên khu tây huyện Ba Tơ và khu bảo tồn loài - sinh cảnh Cà Đam huyện Trà Bồng: Đến nay, Khu dự trữ thiên nhiên Khu Tây Ba Tơ, Khu Tây huyện Trà Bồng (nay đề xuất đổi thành Khu Bảo tồn loài sinh cảnh Cà Đam) đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND tỉnh đã có Quyết định 803/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc tiếp nhận Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi do tổ chức Fauna & Flora International (FFI) - Chương trình Việt Nam tài trợ với mục tiêu bảo vệ các khu rừng giàu động vật hoang dã và trữ lượng cacbon cao của huyện Ba Tơ và các vùng lân cận trung tâm Trường sơn của Việt Nam, bảo vệ tính đa dạng sinh học cao của chúng và các tài nguyên thiết yếu, các dịch vụ hệ sinh thái mà chúng cung cấp cho các thế hệ tương lai. Đồng thời, hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục theo quy định để trình UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đề xuất dự án "Bảo tồn loài Chà vá chân xám tại tỉnh Quảng Ngãi" do Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt xanh đề xuất hỗ trợ. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh có **155** Cơ sở gây nuôi động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm **được cấp mã số cơ sở nuôi với 3.557 cá thể động vật các loại** (Cây Vòi hương, Cây Vòi mốc, Kỳ đà hoa, Rùa các loại,...).

2.5. Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp

Giai đoạn này có 02 hợp tác xã lâm nghiệp được thành lập²¹. Thực hiện liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC, tổng diện tích rừng đã ký kết hợp đồng liên kết (giữa chủ rừng và doanh nghiệp) 10.327,36 ha²², trong đó đã có hơn 7.526,94 ha²³/1.325 hộ đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

2.6. Về nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng giống: Từ năm 2021 đến nay đã tiếp nhận và tổ chức thẩm định, công nhận 11 nguồn giống²⁴ cây trồng lâm nghiệp. Đồng thời, đã tổ chức 11 lớp tập huấn về công tác Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động; các tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

²¹ Hợp tác xã Phát triển lâm nghiệp bền vững Đức Lâm, huyện Mộ Đức và Hợp tác xã Phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

²² Cụ thể: Huyện Trà Bồng, với tổng diện tích rừng sản xuất 6.564 ha do Công ty cổ phần lâm sản Xuân Lộc làm trường nhóm; huyện Ba Tơ, với diện tích 1.924,42 ha do Công ty Cổ phần năng lượng Dung Quất đã tổ chức ký kết hợp đồng liên kết đối với 479 hộ/11 xã; huyện Bình Sơn, với diện tích 1.841 ha/07 xã do Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tân Kiều đã tổ chức ký kết hợp đồng liên kết đối với 325 hộ/7 xã.

²³ Rừng trồng 6.916,1 ha; rừng tự nhiên 610,84 ha tại các xã: Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Thanh, Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng.

²⁴ 01 nguồn giống cây trội (cây Huỷnh) và 10 nguồn giống là vườn cây đầu dòng (cung cấp hom)

- Về công tác sản xuất, sử dụng cây giống: Trên địa bàn tỉnh đã có 03 đơn vị tổ chức sản xuất giống cây trồng nuôi cấy mô với các dòng cây Keo lai²⁵. Tổng số cây con sản xuất hàng năm (bình quân 400 nghìn cây/năm); So với nhu cầu thực tế trồng rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh (chỉ đáp ứng 1%).

- Từ năm 2021 đến nay, tổng diện tích rừng sản xuất đạt khoảng 74.483 ha, bình quân đạt 24.827,6 ha/năm.

2.7. Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến và phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ

- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn): Diện tích khai thác rừng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là rừng trồng keo, tuổi khai thác rừng trồng chủ yếu là từ 4-5 năm tuổi. Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện cuối năm 2023 đạt 2.397.979 m³, bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 10,96%/năm. Diện tích khai thác tập trung ở các huyện như: Ba Tơ, Trà Bồng, Nghĩa Hành...

- Thu mua, chế biến lâm sản: Có khoảng 84 doanh nghiệp/công ty thu mua, chế biến lâm sản²⁶ với các sản phẩm chủ yếu như gỗ xẻ, gỗ xây dựng cơ bản; 01 công ty sản xuất các sản phẩm từ cây quế (hàng thủ công mỹ nghệ, bột quế, tinh dầu quế...);

3. Các biện pháp kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới của ngành trong thời gian tới:

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các đề án, kế hoạch, dự án, phương án liên kết, hợp tác tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như thực hiện như: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho chủ rừng, doanh nghiệp; tập huấn các nội dung liên quan đến phát triển rừng bền vững,....

4. Phân đầu năm 2024 lĩnh vực lâm nghiệp đạt các mục tiêu, chỉ tiêu:

4.1. Các mục tiêu, chỉ tiêu: Theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó lĩnh vực lâm nghiệp gồm có các chỉ tiêu như sau:

- Tổng diện tích rừng hiện có: 333.051 ha, trong đó:
 - + Rừng tự nhiên: 106.672 ha;
 - + Rừng trồng: 226.379 ha;
- * Diện tích rừng trong Quy hoạch 03 loại rừng: 257.554 ha, trong đó:
 - + Rừng phòng hộ: 114.171 ha;
 - + Rừng sản xuất: 143.383 ha;
- Quản lý bảo vệ rừng: 130.787 ha;

²⁵ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín và Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi).

²⁶ Cơ sở chế biến dăm gỗ: 20 cơ sở; cơ sở cưa xẻ, chế biến kinh doanh gỗ: 57 cơ sở; cơ sở sản xuất ván lạng: 04 cơ sở; cơ sở sản xuất ghép thanh: 02 cơ sở; cơ sở sản xuất ván ép: 01 cơ sở

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 620 ha;
- Trồng mới rừng tập trung: 26.067 ha; trong đó:
 - + Trồng rừng phòng hộ : 105 ha;
 - + Trồng rừng sản xuất: 25.962 ha;
- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn): 2.563.207
- Tỷ lệ độ che phủ rừng: 52%.

4.2. Các giải pháp: Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 của UBND tỉnh tại Công văn số 1267/SNNPTNT-KL ngày 30/3/2024.

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, ntkp.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Duy Hưng